

THIỆT CHẾ BẢN CỦA NGƯỜI DAO

NGUYỄN NGỌC THANH *

Tóm tắt: Bài viết phân tích các đặc trưng của thiết chế bản của người Dao từ hình thức cư trú, nguyên tắc tập hợp, bộ máy tự quản (già bản, trưởng bản, trưởng họ và những người có uy tín), đồng thời đề cập các quy ước của bản trong sử dụng đất đai, bảo vệ rừng, nguồn nước, thủy sản và hoa màu, giữ gìn trật tự, an ninh... Trong bối cảnh hiện nay, tiếng nói của già bản, trưởng bản, trưởng họ, những người có uy tín vẫn có vai trò quan trọng trong việc trao truyền tri thức dân gian (tri thức tộc người) cho các thế hệ trẻ người Dao.

Từ khóa: Bản; quy ước; thiết chế bản; người Dao.

1. Mở đầu

Người Dao ở Việt Nam có khoảng 751.067 người, là một trong những dân tộc thiểu số có nhiều nhóm địa phương cư trú ở các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Lai Châu, Sơn La... Vài năm gần đây, tộc người này còn có mặt ở một số tỉnh phía Nam. Cũng như các dân tộc anh em khác, người Dao có một nền văn hóa truyền thống rất phong phú và đặc sắc, trong đó có thiết chế bản.

2. Tên bản và hình thức cư trú

Người Dao từ lâu đã có tập quán sống thành từng bản. Theo ngôn ngữ của người Dao Đỏ, bản được gọi bằng từ *lông*, còn người Dao Áo Dài lại gọi là *giăng*. Người Dao ở Quảng Ninh có hai nhóm: Dao Thanh Y và Dao Thanh Phán. Mỗi nhóm Dao có từ riêng để chỉ bản. Người Dao Thanh Phán gọi bản là *lăng*, còn bản trong tiếng Dao Thanh Y là *giăng*. Theo quan niệm của người Dao, cứ ba nhà trở lên (không phân biệt cùng họ hay khác họ) cư trú trên một

khu vực nhất định được gọi là một bản, họ cho rằng có như vậy "lúc tối lửa tắt đèn", khi gặp trộm cướp, tai nạn rủi ro mới có thể giúp đỡ được nhau, điều này cho thấy tính cộng đồng ở người Dao khá cao. Với họ, bản trước hết là không gian sinh tồn của cả cộng đồng, có ranh giới, có rừng, bãi thả gia súc, có nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất. Không gian sinh tồn đó được cộng đồng khác công nhận.

Cũng như nhiều dân tộc khác, bản của người Dao có tên gọi nhất định. Người ta thường căn cứ vào địa hình cư trú mà đặt tên bản, có thể tên gọi gắn với một con suối, một khu rừng hoặc một quả núi to, cũng có khi gắn liền với một sự kiện nào đó,... Chẳng hạn, tên theo loài cây ăn quả (Mắc Cam Đô), tên theo hướng không gian: *Tria làng* (làng

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Dân tộc học. Nghiên cứu này được thực hiện dưới sự tài trợ của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted), trong đề tài mã số IV5.3 - 2011.05.

trên), *Đia lảng* (làng dưới), *Nhựa lảng* (làng Trong)⁽¹⁾.

Hiện tượng đổi mới tên bản cũng đã xảy ra, sự ra đời của những tên bản mới này gắn liền với thời kỳ vận động định canh, định cư. Song trên thực tế, tên bản mới thường được sử dụng nhiều trong các văn bản mang tính chất hành chính, còn trong nội bộ bản thì tên gọi cũ vẫn tồn tại và được coi là dấu ấn khó phai mờ trong đời sống cộng đồng.

Người Dao cư trú tập trung hay phân tán phụ thuộc vào địa hình cảnh quan, môi trường sống. Trước năm 1954, người Dao phần lớn sống du canh du cư, bản của người Dao thường di chuyển theo chu kỳ canh tác nương rẫy hoặc ở theo kiểu "một chôn hai nơi" - tức là đến mùa làm nương những người có sức lao động trong gia đình dời bản đến ở lều trên nương, gần mùa thu hoạch mới về bản, cuộc sống không ổn định, qui mô của bản thường nhỏ bé 5 - 7 nóc nhà, bản nọ cách bản kia vài ba cây số. Từ khi thực hiện vận động định canh định cư, bản người Dao tương đối ổn định. Số lượng dân cư trong bản ngày một đông hơn, qui mô của bản ở vùng thấp thường từ 30 đến 50 gia đình, còn ở vùng cao từ 10 đến 20 gia đình. Chẳng hạn tại xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ, Quảng Ninh, trong tổng số 10 bản có 7 bản người Dao có quy mô ít nhất là 30 gia đình, nhiều nhất là 89 gia đình. Quy mô gia đình ở các bản Dao đang tăng lên. Điều đó một phần do sự chuyển cư từ nơi khác đến, nhưng nguyên nhân chính vẫn là tăng dân số tự nhiên (như: bản Nà Hin, xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang).

Hình thức cư trú của người Dao cũng rất đa dạng. Ở Quảng Ninh có bản cư trú trên vùng núi cao (như bản Còng, Khe Mười, xã Đồn Đạc); có bản cư trú trên các sườn núi đất (như bản Pá Cáy, xã Đồn Đạc); cũng có những bản cư trú ven sông (như bản Phố Cũ, xã Yên Than, huyện Tiên Yên) hoặc cư trú ven đường quốc lộ, trên những vùng đất tương đối bằng phẳng (như bản Khe Muối 1, Khe Muối 2, Đồng Và xã Yên Than). Trong khi đó, ở Cao Bằng, Bắc Kạn, người Dao cư trú chủ yếu ở vùng núi cao và một số ít ở vùng núi thấp. Những bản Dao ở vùng núi cao thường có vài ba nhà ở trên một sườn núi, ngay cạnh nhà là ruộng bậc thang để tiện cho canh tác, còn ở vùng núi thấp cư trú mật tập, bản đông đúc hơn.

3. Nguyên tắc tập hợp

Hợp thành bản là những gia đình thuộc nhiều dòng họ cư trú. Ở Quảng Ninh, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, bản ít có từ 2 - 3 dòng họ, bản đông tới 5 - 7 dòng họ, thậm chí có bản tới 12 dòng họ.

Một điều dễ nhận thấy là người Dao thường sống thành các bản riêng, các nhóm địa phương của dân tộc này không bao giờ sống lẫn với nhau. Chẳng hạn ở huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, tại xã Bằng Cả có người Dao Thanh Y, xã Đồng Sơn chỉ có người Dao Thanh Phán.

Bên cạnh đó, cũng thấy bản có nhiều dân tộc cùng cư trú. Chẳng hạn, bản Han, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ, Quảng Ninh có 3 dân tộc là: Dao (nhóm Dao

⁽¹⁾ Lý Hành Sơn (1993), "Làng Dao ở huyện Ba Bể, Cao Bằng", Tạp chí *Dân tộc học*, số 1.

Thanh Y), Sán Chỉ, Tày. Tuy nhiên, mỗi dân tộc quần cư thành các khu vực riêng. Như vậy, cấu trúc đóng kín một thời của bản nay đã bị phá vỡ.

Theo truyền thống, các gia đình cùng dòng họ thường ở khu vực riêng, và tâm lý các anh em ruột thích cư trú gần nhau. Người Dao Thanh Phán thường nói: *Mùa a tôi hăm diêm dăm giòi diêm phắt; Mài chăm năm com năm khu pèn* (Anh em ở gần nhau; Tôi lửa tắt đèn giúp đỡ nhau) hoặc: *Mùa tôi ỏi giềng phắt mài, mùa tôi poong tá lầy* (Anh em họ hàng phải ở gần nhau để giúp đỡ nhau). Người Dao Thanh Y cũng có câu tương tự: *Ủi lạng dêu pẻ song a giềng* (Muốn anh em ở trong một bản). Chính tâm lý này là một trong những nguyên nhân khiến người Dao di dân tự do thường có anh em ruột thịt đi cùng.

4. Bộ máy tự quản của bản

4.1. Già bản

Già bản là những người nắm giữ kinh nghiệm sản xuất, hướng dẫn dân bản trồng trọt, bảo vệ mùa màng, xem thời tiết, xem các ngày kiêng kỵ đối với việc đồng áng, động viên dân bản làm cầu, đường, đắp suối, làm máng nước... phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Theo tục lệ, già bản là người tiến hành gieo trồng trước, mở đầu vụ sản xuất trong năm cho cả bản.

Thời trước, cuộc sống còn du canh du cư, đất sản xuất chưa được quản lý, phân chia chặt chẽ thì những kinh nghiệm về sản xuất nương rẫy, chăn nuôi mà già bản tích lũy được là rất quý giá đối với dân bản. Với sự chỉ dẫn của già bản các gia đình trong bản có thể thực hiện tốt các chu trình canh tác nương rẫy như

chọn đất phát nương, dọn nương và tiến hành gieo trồng.

4.2. Trưởng bản

Trong xã hội truyền thống cũng như hiện nay, trưởng bản là người đại diện cho dân bản giao thiệp với cấp trên, vừa đại diện cho việc thực hiện các phong tục tập quán của cộng đồng bản. Người được chọn bầu làm trưởng bản phải là người gương mẫu, hiểu biết về pháp luật và có kinh nghiệm tổ chức sản xuất, chăm lo cho đời sống cộng đồng dân cư, có khả năng vận động nhân dân thực hiện một số công việc mà chính quyền giao. Về cơ bản, trưởng bản trong các bản Dao có vai trò như sau:

Trước hết, trưởng bản có nhiệm vụ hướng dẫn các gia đình trong bản tiến hành sản xuất, tổ chức bảo vệ mùa màng và làm các công trình công cộng phục vụ cho trồng trọt và dân sinh như cầu, đường, máng nước... Hằng năm, trưởng bản xem lịch, phán đoán thời tiết, báo bà con trong bản biết thời vụ sản xuất, những ngày kiêng kỵ đi làm ruộng nương... Tại một số nơi, trưởng bản còn là người tiến hành gieo trồng trước, mở đầu cho vụ sản xuất trong năm, sau đó dân bản mới gieo trồng ở ruộng nhà mình.

Trưởng bản có vai trò cùng với những người giúp việc (phó bản và thầy cúng của bản) tổ chức dân bản bảo vệ ranh giới, nhất là nguồn tài nguyên thiên nhiên, đất đai và rừng đầu nguồn của bản. Người ở nơi khác muốn làm nương trong phạm vi địa phận của bản thì phải thông qua trưởng bản và được sự đồng ý của mọi người dân trong bản.

Trưởng bản tiến hành hòa giải khi trong bản có xích mích hoặc mâu thuẫn

giữa người dân mà nội bộ các dòng họ không tự giải quyết được, quan tâm duy trì phong tục tập quán, các quy ước luật tục và chú trọng củng cố tinh thần đoàn kết trong bản.

Đối với những bản ít hộ gia đình nhất là các bản Dao xưa kia, người đứng đầu bản giữ vai trò chứng kiến lễ cưới, lễ cấp sắc, giúp các tang chủ làm ma chay... Trong lễ cưới, trưởng bản chứng kiến lễ nhà trai trao đồ sinh lễ cho nhà gái hoặc khi cô dâu đem của hồi môn về nhà chồng. Đối với lễ lấy rể đời, sự chứng kiến lễ *ghĩa tịnh* (đặt trầu) của người trưởng bản rất quan trọng, bởi nó có khả năng làm cho cuộc hôn nhân bền vững về sau, nhất là việc khẳng định rằng nghi lễ được diễn ra đúng theo tục lệ Dao. Khi trong bản có người chết, trưởng bản kêu gọi dân bản giúp đỡ tang chủ, nếu là thầy cúng giỏi, trưởng bản còn giúp tang chủ chọn ngày giờ chôn cất.

Trưởng bản trong các bản Dao có vai trò rất quan trọng đối với việc tổ chức cúng thổ công (thần bản) theo định kỳ hay không định kỳ hằng năm tại miếu của bản. Trưởng bản không chỉ là người tổ chức mà còn giám sát việc đóng góp của các nóc nhà trong bản, nhất là quá trình diễn ra lễ cúng thần bản. Sau lễ cúng, khi tổ chức ăn uống chung, trưởng bản và đại diện các nóc nhà lại cùng nhau bàn bạc các công việc về sản xuất, mối đoàn kết, tình hình an ninh trong bản...

Giống như các tộc người khác, người đứng đầu bản của tộc người Dao còn có vai trò trách nhiệm đối với việc đảm bảo trật tự an ninh trong bản, kiểm soát hộ khẩu và những người hay có hành vi bất

chấp các quy ước luật tục của bản, giám sát những người lạ ra vào bản... Trưởng bản ngày nay có nhiệm kỳ là 2 năm rưỡi, bằng nửa nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã.

4.3. Trưởng họ

Trưởng họ là người đứng đầu một họ, người này là con trai thứ nhất của chi thứ nhất hay còn gọi là chi trưởng. Chức trưởng họ thường cha truyền con nối. Trong trường hợp không có con trai nối dõi thì chức trưởng họ chỉ truyền lại trong nội bộ chi trưởng, không truyền lại cho các chi dưới.

Trưởng họ có trách nhiệm trông nom nhà thờ họ nếu có, tổ chức các kì cúng lễ, chủ trì các nghi lễ lớn trong dòng họ. Tóm lại, trưởng họ là những người có quyền uy lớn nhất trong dòng họ. Thông thường, trưởng họ phải am hiểu các quy định, các bài cúng của dòng họ mình, hiểu biết thành thạo phong tục tập quán dân tộc mình, có tài ứng xử, giỏi lý lẽ, giỏi về tổ chức và có kinh nghiệm trong các hoạt động sản xuất, có phẩm chất trung thực, biết quan tâm chăm sóc đến đời sống và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong dòng họ, đồng thời được người dòng họ khác kính trọng. Nhờ vậy, ý kiến của trưởng họ được mọi người trong dòng họ tin cậy và thực hiện.

Trưởng họ có nhiệm vụ duy trì mọi sinh hoạt trong dòng họ mình như thờ cúng tổ tiên; tổ chức các nghi lễ chung để cầu yên cầu phúc cho dòng họ; quyết định việc di chuyển của các hộ trong dòng họ; đứng ra giải quyết những bất hòa, mâu thuẫn về đất đai, tài sản... giữa các gia đình trong dòng họ và giữa dòng họ mình với các dòng họ khác. Ngày

nay, trưởng họ còn là người đóng vai trò tích cực trong việc giúp đỡ các thành viên trong dòng họ tìm hướng đi mới để phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường, nhằm tìm ra các giải pháp giúp nâng cao đời sống của cả dòng họ và bảo vệ nguồn tài nguyên cộng đồng một cách bền vững.

Trong nhà trưởng họ ở người Dao chỉ có một bàn thờ vừa để thờ cúng gia tiên nhà mình, vừa thờ cúng tổ tiên các đời của cả dòng họ (bàn thờ tổ). Tại bàn thờ này có sách cúng, sách xem ngày lành tháng tốt và các dụng cụ thờ cúng... Theo phong tục, hằng năm vào dịp tết và lễ, trưởng họ tiến hành nghi thức cúng tổ tiên, vào ngày này các gia đình trong họ có nhiệm vụ đem thịt, gạo, rượu đến nhà trưởng họ ăn chung rồi cùng đón tết, sau đó mới tiếp tục đón tết ở nhà mình. Trong năm, có dòng họ còn tổ chức lễ *là miến* (tết nhảy) tại nhà trưởng họ dưới sự chủ trì của trưởng họ và những người thầy cúng trong dòng họ với mục đích cúng tổ tiên dòng họ, ôn lại các điệu múa truyền thống, dạy các bài hát cúng... cho các thanh niên nam trong dòng họ. Đây không chỉ lễ vui riêng của dòng họ mà còn có sự tham gia của nhiều người thanh niên trong bản. Vào dịp lễ cơm mới, cấp sắc hoặc khi trong dòng họ có nhiều người ốm đau... người ta cũng đóng góp lễ vật để cúng tại nhà trưởng họ rồi tổ chức ăn uống chung. Đây là dịp để mọi người trong dòng họ, dù sống cách xa nhau đều đến nhà trưởng họ để gặp mặt nhau.

Trưởng họ còn là người động viên và dạy bảo các thanh niên nam trong dòng họ về cách tiến hành các nghi lễ tín

ngưỡng theo tập quán của người Dao, đồng thời chủ trì lễ cấp sắc (*qua tang*) cho họ. Cấp sắc được coi là việc bắt buộc đối với mọi thanh niên người Dao, đồng thời cũng là danh dự chung của cả dòng họ. Khi gia đình thành viên có ý định tổ chức lễ này cho con trai thì nhất thiết phải thông qua trưởng dòng họ và đương nhiên, gia đình đó luôn nhận được sự chỉ bảo của ông ta từ các bước chuẩn bị, đi tìm thầy cúng làm lễ... cho đến khi tiếp đón các thầy cúng và làm lễ chính thức. Với người Dao, những người đàn ông khi đã trải qua lễ này mới coi như được giáo dục đến nơi đến chốn, bởi vì họ có pháp danh, có thầy cúng chỉ bảo, đồng thời các âm binh cùng với các thần linh luôn hiện diện trong ý thức họ để giám sát các hành vi đạo đức của họ. Vì vậy, những thanh niên Dao sau khi đã trải qua nghi lễ cấp sắc đều sống thật thà, có lòng thương người khác, không dám làm những điều ác trái với các lời dạy của thầy cúng.

Trưởng họ là người đóng vai trò chính đối với việc tập hợp và giữ gìn khối đoàn kết giữa các thành viên trong dòng họ, thể hiện qua việc giúp đỡ các gia đình thành viên làm ma chay, làm nhà mới, tổ chức đám cưới, chia gia tài... Là người đi đầu và luôn kêu gọi các gia đình thành viên nêu cao tinh thần giúp đỡ nhau khi gia đình nào đó trong dòng họ có công to việc lớn, bị ốm đau, túng thiếu với lý do chính đáng.

Trưởng họ còn là người phổ biến, giáo dục các thành viên và theo dõi việc thực hiện tập quán tộc người, chấp hành các quy ước luật tục, hòa giải những xích mích giữa các thành viên hoặc giữa

các gia đình trong dòng họ. Chỉ khi những việc mà trong nội bộ dòng họ không tự hòa giải được mới đưa ra bản để cùng giải quyết. Do vậy, đôi khi trưởng họ là người đứng ra phạt và những người trong dòng họ vi phạm luật tục, loạn luân... Như vậy, về mặt truyền thống, trưởng họ người Dao giữ vai trò rất quan trọng đối với việc gìn giữ phong tục tập quán tộc người.

Trưởng họ còn có vai trò nhất định trong việc tham gia cùng những người trong bộ máy quản lý bản giải quyết một số công việc liên quan đến dòng họ và của bản như việc nhận người khác đến cư trú tại bản, chấp hành nghĩa vụ với bộ máy chức dịch cấp trên, hòa giải những xích mích...

Ngoài ra, trưởng dòng họ còn có vai trò quan trọng trong việc đối ngoại. Trước hết, ông ta phải có mối quan hệ tốt không chỉ với trưởng các dòng họ khác trong bản mà cả một số dòng họ ở những bản có gia đình thành viên của mình sinh sống, đặc biệt là với bộ máy quản lý các bản đó. Khi hộ gia đình thành viên hay cả dòng họ có lễ lớn, trưởng họ còn là người đứng ra tiếp khách quý của gia đình đó cũng như của dòng họ, tiếp người đại diện dân bản hoặc người đại diện bộ máy chức dịch khác đến dự lễ...

4.4. Những người có uy tín trong bản

Đó là những người có tư cách đạo đức, có tri thức nhất định, biết tính toán làm ăn, sẵn sàng giúp đỡ người khác; ý kiến của họ được dân nghe, dân tin nên có ảnh hưởng khá sâu rộng trong cộng đồng làng, bản. Người uy tín có thể tham gia công tác xã hội, giữ các cương

vị quản lý trong Đảng, chính quyền, các đoàn thể ở cấp xã hoặc tổ chức xã hội ở thôn, bản. Cũng có thể chỉ đơn thuần là người tốt, biết tính toán làm ăn, sẵn sàng chỉ bảo, giúp đỡ người khác, hoặc làm nghề thầy cúng, thầy thuốc. Họ là những người hiểu biết sâu về tập quán thực hành nghi lễ cúng bái, chữa bệnh hoặc tham gia thực hiện những công việc hệ trọng như làm quan lang, đốt đuốc vào nhà mới, làm thầy trong cấp sắc hoặc trong tang ma... những người được mời đến thực hiện luôn được mọi người kính trọng.

Tự trung, họ là những người có một số đức tính nổi trội sau: có vốn tri thức nhất định, nhất là những tri thức mang tính bản địa (hiểu biết về tự nhiên, phong tục, tập quán của dân, của bản, làng); quan tâm, chăm lo đến đời sống của cộng đồng dân cư trong bản, làng; có khả năng thu phục, cảm hóa những người xung quanh; nổi trội về một lĩnh vực nào đó (ăn ở, đức độ, tài làm kinh tế, lòng hảo tâm...).

Trong suốt cuộc đời của mình, những người có uy tín từng nhiều lần trực tiếp tham gia vào các công việc hệ trọng của rất nhiều gia đình ở trong và ngoài bản nên họ nắm được hoàn cảnh cuộc sống và tâm lý của từng gia đình. Bởi vậy, khi các gia đình có xích mích hoặc có việc cần người giải quyết thì tiếng nói của những người có uy tín đôi khi còn có giá trị hơn tiếng nói của trưởng bản.

5. Vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng họ, người có uy tín trong việc trao truyền tri thức dân gian

Già làng, trưởng bản, trưởng họ và những người có uy tín là lớp người *nắm*

giữ hệ thống tri thức dân gian, hướng dẫn người dân tổ chức sản xuất, phòng chống thiên tai, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên vừa phục vụ đời sống hiện tại, vừa bảo vệ môi trường - sinh thái (nguồn nước, rừng, đất đai...). Họ có vốn *hiểu biết về lịch sử, văn hóa tộc người*, có trách nhiệm truyền thụ lại cho thế hệ trẻ, giáo dục ý thức cội nguồn, tinh thần yêu quê hương của cộng đồng dân bản. Đây cũng là lực lượng nắm giữ các *tri thức y tế dân gian* để cứu chữa cho dân làng, biết cách sử dụng hợp lý nguồn dược liệu trong vốn rừng tự nhiên để bào chế nhiều phương thuốc chữa bệnh cho nhân dân, được nhân dân tin nhiệm. Đặc biệt, trong điều kiện y học chưa phát triển, khám chữa bệnh cho nhân dân phần lớn dựa vào Đông - Nam y, thì hệ thống tri thức y tế dân gian có ý nghĩa rất lớn, càng tạo thêm uy tín của già làng, trưởng bản. Đồng thời, đây cũng là lực lượng *hiểu biết nghi lễ, thủ tục tiến hành lễ hội*, trở thành “cầu nối” giữa dân làng với thế giới siêu nhiên, cầu cho mùa màng tươi tốt, con người mạnh khỏe, cuộc sống bình yên⁽²⁾.

Trong đời sống đương đại, nếu không chú ý đầy đủ hệ thống tri thức dân gian mà già làng, trưởng bản nắm giữ để phát huy trong xây dựng cuộc sống mới thì các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước khó đi vào cuộc sống, kể cả khi chủ trương, chính sách đó vì lợi ích chính đáng của đồng bào.

Hệ thống tri thức dân gian mà già làng, trưởng bản nắm giữ thực chất là hệ thống tri thức kinh nghiệm được tích lũy, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ

khác, từ thời đại này sang thời đại khác. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, không phải mọi tri thức dân gian mà lực lượng này hay những người có uy tín tích lũy đều hàm chứa mặt tích cực⁽³⁾, nhiều tri thức dân gian đã được thực tế kiểm nghiệm tính đúng đắn, phù hợp đời sống, nhưng cũng có không ít tri thức dân gian đã lạc hậu trước sự vận động của thực tiễn, cần được cách tân, hiện đại hóa.

Riêng những người già, trưởng họ, các thầy cúng, thầy thuốc, là những tấm gương về đạo đức lối sống, về tinh thần trợ giúp nhau cũng như trách nhiệm truyền dạy cho lớp trẻ các đặc điểm văn hóa của tộc người Dao. Họ giữ vai trò rất lớn, trước hết là góp phần giáo dục lớp con cháu về tư cách đạo đức, biết kính trên nhường dưới, biết tôn trọng phong tục tập quán của dân tộc, tránh làm những điều xấu, điều ác...

Chính bằng kinh nghiệm và uy tín của mình mà tiếng nói của già làng, trưởng bản, trưởng họ, những người uy tín rất có trọng lượng. Tiếng nói của họ có thể tạo ra dư luận xã hội, từ đó có tác dụng điều chỉnh các hành vi của dân bản, góp phần củng cố sự đoàn kết, duy trì các phong tục tập quán tốt đẹp của tộc Dao.

6. Kết luận

Bản của người Dao tuy không phải là đơn vị hành chính cấp cơ sở nhưng có

⁽²⁾ Nguyễn Ngọc Hà (2006), *Phát huy vai trò già làng, trưởng bản người dân tộc thiểu số trong thực hiện quy chế dân chủ tại các tỉnh miền núi phía bắc nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, tr. 60-62.

⁽³⁾ Nguyễn Ngọc Hà (2006), *tlđđ*, tr.63.

vai trò rất lớn. Mọi chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, Nhà nước đều thông qua cấp làng để đến được với người dân.

Ở người Dao, già làng, trưởng bản, trưởng họ, thầy cúng, thầy thuốc... là những nhân vật rất có uy tín trong sinh hoạt cộng đồng, được người dân tin cậy, nghe theo. Mỗi vị trí, chức vụ đó dù là do dân cử (trưởng bản) hay suy tôn (trưởng họ, già làng, thầy cúng, thầy thuốc) đều có vai trò quan trọng trong sự vận hành của bản. Do vậy, muốn tranh thủ được lực lượng này, cần phải hướng dẫn tận tình, mềm dẻo, kiên trì, giải thích ngắn gọn, khéo léo, tế nhị, đồng thời có sự động viên thỏa đáng. Chẳng hạn, nên có những buổi tiếp xúc, trao đổi thường xuyên với họ, để thông qua họ đưa các chương trình hoạt động của Nhà nước đến người dân. Một trong những cách để nâng cao vai trò của trưởng họ, già làng, và những người có uy tín khác là thu hút họ vào các tổ chức, các ban điều hành ở cấp xã, làng, tạo điều kiện để họ phát huy tiếng nói trong các tổ chức đó.

Trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, các thiết chế xã hội truyền thống ở người Dao vẫn được duy trì với khá nhiều quy ước, luật tục và tập quán còn có vai trò tác động không nhỏ đến việc phát triển sản xuất, bảo vệ tài nguyên môi trường, đảm bảo sự ổn định xã hội, gìn giữ bản sắc văn hóa tộc người ở trong mỗi địa phương người Dao. Vấn đề đặt ra là, chính quyền các cấp, các ngành ở địa phương cần quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để người Dao cũng như nhiều tộc người khác tiếp

tục duy trì và phát huy các đặc điểm văn hoá của mình, từng bước khôi phục lại các quy ước, tập quán, luật tục có tác động tích cực đến việc phát triển kinh tế, ổn định xã hội và nâng cao đời sống văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Hữu Sơn (1999), “Vai trò của già làng, trưởng bản với vấn đề truyền thông dân số ở vùng đồng bào các dân tộc ít người”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2.
2. Lê Thị Phương Thảo (2004), “Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Dân tộc*, số 1.
3. Bùi Xuân Trường (1997), *Tác động của luật tục đối với việc quản lý xã hội ở các dân tộc Thái, Mông thuộc Tây Bắc Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ.
4. Lê Trọng Vinh (2005), “Vai trò già làng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, số 7.
5. Viện Ngôn ngữ học (1996), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
6. Phạm Quang Hoan - Hùng Đình Quý (chủ biên) (1999), *Văn hoá truyền thống người Dao ở Hà Giang*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
7. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (1998), *Sự phát triển văn hoá xã hội của người Dao: Hiện tại và tương lai*, Kỷ yếu Hội thảo, Hà Nội.
8. Nguyễn Khắc Tụng (1997), “Trở lại vấn đề phân loại các nhóm Dao ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3.
9. Vũ Hải Vân (1998), “Thực trạng vấn đề sử dụng tài nguyên của người Dao ở xóm Mít, xã Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình”, *Báo cáo khoa học tại Hội thảo: Các dân tộc thiểu số trong môi trường chuyển đổi*, Chiang Mai, Thái Lan.

